

Số: /2025/NĐ-CP Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DƯ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về lao động, việc làm và an sinh xã hội
trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 20 và Điều 21 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm tài chính quốc tế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Bộ luật Lao động và người lao động nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Bộ luật Lao động làm việc cho người sử dụng lao động quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người sử dụng lao động, gồm:

a) Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

c) Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết số 222/2025/QH15;

d) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế theo quy

định khoản 7 Điều 3 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Chương II

TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

Điều 3. Tuyển dụng lao động

1. Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này được chủ động tuyển dụng người lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Bộ luật Lao động.

2. Người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này được chủ động tuyển dụng người lao động nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Điều 4. Thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và giấy phép lao động

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng thực hiện việc phân cấp, ủy quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Điều 5. Người lao động nước ngoài được miễn giấy phép lao động

Người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau được miễn giấy phép lao động:

1. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 20 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

2. Người lao động nước ngoài vào làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế thuộc một trong các vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật do Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng hoặc cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế xác nhận.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2. Trường hợp người lao động nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 20 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 không phải làm thủ tục

cấp giấy xác nhận không diện cấp giấy phép lao động nhưng phải thông báo với Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc trước ít nhất 3 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.

Thông báo gồm các nội dung cơ bản sau: họ và tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, địa điểm làm việc và thời hạn làm việc.

Điều 7. Thời hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Thời hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động tối đa là 05 năm.

2. Trường hợp người lao động nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 20 của Nghị quyết số 222/2025/QH15 thì thời hạn làm việc trong thông báo với Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế không vượt quá thời hạn của thị thực, thẻ tạm trú quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 của Nghị quyết số 222/2025/QH15.

Điều 8. Người lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động

Người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế tại các vị trí công việc nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật được cấp giấy phép lao động theo quy định của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động

1. Hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép lao động, người sử dụng lao động nước ngoài không phải báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và không phải thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Thời hạn giải quyết thủ tục cấp, gia hạn giấy phép lao động tối đa không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Điều 10. Thời hạn giấy phép lao động

Thời hạn giấy phép lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động

nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Chương III

TIỀN LƯƠNG VÀ ĐÃI NGỘ

Điều 11. Tiền lương và đãi ngộ

Giao Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương và đãi ngộ theo nguyên tắc đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này; đảm bảo tương quan với các nhóm đối tượng có trình độ chuyên môn và điều kiện làm việc tương đương trên thị trường và phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam.

Chương IV

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VÀ NHÂN LỰC

Điều 12. Phát triển kỹ năng và nhân lực

1. Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát xác định nhu cầu, đối tượng người lao động cần thu hút; chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định tiêu chí cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao nhận hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động Việt Nam làm việc cho các dự án đầu tư mới và mở rộng tại Trung tâm tài chính quốc tế đảm bảo tương quan với các nhóm đối tượng tương đương trên thị trường và phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế theo ngân sách hỗ trợ do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng bố trí trong ngân sách địa phương.

Chương V

AN SINH XÃ HỘI

Điều 13. Bảo hiểm thất nghiệp

1. Người lao động Việt Nam làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm.

2. Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định pháp luật về việc làm.

Điều 14. Bảo hiểm xã hội

1. Người lao động Việt Nam làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội thì việc tham gia và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Người lao động Việt Nam làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội thì việc tham gia và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

3. Người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội thì việc tham gia và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

4. Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội thì được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc khi có đề nghị tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Việc tham gia và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với những cá nhân này được thực hiện như đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

5. Trường hợp người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 4 Điều này không có hợp đồng lao động, không hưởng tiền lương thì được lựa chọn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng thấp nhất bằng mức tham chiếu và cao nhất bằng 20 lần mức tham chiếu tại thời điểm đóng.

6. Trường hợp người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 4 Điều này đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được đề nghị dừng tham gia khi đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 12 tháng trở lên tính từ thời điểm đề nghị tham gia; được đề nghị điều chỉnh mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi đã thực hiện đóng theo tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đã lựa chọn từ đủ 12 tháng trở lên tính từ thời điểm đã lựa chọn trước đó.

7. Việc miễn một phần nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế đã tham gia chương trình an sinh xã hội tương tự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ ở nước ngoài được thực hiện theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên ký kết với quốc gia, vùng lãnh thổ ở nước ngoài đó.

8. Mẫu giấy đề nghị tham gia, dừng tham gia, điều chỉnh tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 4 Điều này do cơ quan bảo hiểm xã hội ban hành.

Điều 15. Bảo hiểm y tế

Người lao động Việt Nam và người lao động nước ngoài quy định tại điểm

c khoản 1 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế thì tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng hướng dẫn, triển khai Nghị định này.

2. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

Hướng dẫn một số nghề, công việc do bộ, cơ quan ngang bộ quản lý làm việc trong Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

Quản lý, hướng dẫn người sử dụng lao động và người lao động làm việc trong Trung tâm tài chính quốc tế.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX(2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

